TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2024/DS-PT
Ngày: 01-7-2024
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Trịnh Thị Phúc

*Các Thẩm phán:*Ông Đặng Văn Những

Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 3 và ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, về việc *"Tranh chấp đòi tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 37/2024/TB-TA ngày 20/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Phạm Lợi N, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N: Luật sư Nguyễn Văn G, đoàn luật sư tỉnh L.

- *Bị đơn:* chị Chung Thị Thanh T, sinh năm 1994;

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn anh Phạm Lợi N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2023 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn anh Phạm Lợi N có nội dung như sau:

Chị Chung Thị Thanh T là vợ đã ly hôn của anh Phạm Lợi N. Ngày 07/11/2022, anh và chị T có thỏa thuận chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, theo đó anh được chia 500.000.000đồng, bằng cách ký Hợp đồng vay tài sản ngày 07/11/2022, hợp đồng được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 công chứng số 34463, quyển số 35/2022TP/CC-SCC/HĐGD, trong thời hạn 03 tháng chị T phải giao cho anh số tiền này. Ngày 15/11/2022, anh và chị T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 489/2022/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc. Hết hạn 03 tháng kể từ ngày 07/11/2022, chị T vẫn không giao cho anh 500.000.000đồng như đã thỏa thuận. Do đó anh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T trả cho anh số tiền 500.000.000đồng, ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Anh N xác định tiếng nói trong đoạn ghi âm chị T cung cấp để chứng minh đã trả tiền cho anh là giọng của anh, lời trình bày của anh như bản tường trình ngày 30/10/2023 của chị T là đúng nên anh không yêu cầu giám định. Tuy nhiên, đoạn "tôi ghé đưa tiền hôm hổm tòa kêu, chưa tới ngày nhưng mà thôi tôi lấy tiền tôi đưa luôn, chứ để mai mốt lu bu tết nhất nữa" cho thấy đây là số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung (tức là 13.000.000đồng, mỗi người chịu ½), chị T đến đưa lại cho anh ½ số tiền này. Hơn nữa trong đoạn ghi âm này anh không có nói anh đã nhận 480.000.000đồng. Còn đoạn "tôi cầm tiền vô tôi đưa luôn thiếu mấy chục hai chục à hai chục", đây chỉ là lời của chị T, còn anh anh chỉ nói "chủ nhật này Đ nó có rãnh không ta...". Đoạn "này là đủ rồi phải không? ừ. Đếm lại nha? Rồi..." đây là ½ tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung chứ không phải anh thừa nhận nhận 480.000.000đồng.

Bị đơn chị Chung Thị Thanh T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Chị là vợ đã ly hôn của anh Phạm Lợi N. Chị thừa nhận ngày 07/11/2022, chị và anh N có thỏa thuận chia tài sản chung bằng cách ký Hợp đồng vay tài sản ngày 07/11/2022, hợp đồng được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 công chứng số 34463, quyển số 35/2022TP/CC-SCC/HĐGD, trong thời hạn 03 tháng chị phải giao cho anh N số tiền 500.000.000đồng. Do thời hạn 03 tháng trùng vào ngày 20/02/2023 dương lịch (nhằm ngày 01/02/2023 âm lịch) nên trước đó ngày 19/12/2022 chị đã đến nhà trả cho anh N số tiền 480.000.000đồng, chị chỉ còn nợ anh N 20.000.000đồng. Khi trả không có người làm chứng hay viết giấy biên nhận vì chị nghĩ anh N cũng sẽ không gây khó dễ, tuy nhiên khi đến nơi thì chị sợ nên chị có ghi âm lại. Trong đó có đoạn *"tôi đem tiền bữa Tòa án kêu đưa cho ông dù chưa tới ngày nhưng thôi tôi đưa luôn để mất công tết nhất mắc công với lại tôi có giấy quyết định của Tòa án cho ông... còn thiếu hai chục..."*. Chị còn hỏi *"Này là đủ rồi phải không? ừ. Đếm lại nha? Rồi..."*.

Do đó chị xác định đã trả cho anh N 480.000.000đồng, chỉ còn thiếu 20.000.000đồng nên anh N khởi kiện thì chị chỉ đồng ý trả 20.000.000đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An tuyên xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Lợi N về tranh chấp đòi tài sản đối với bị đơn chị Chung Thị Thanh T.

Buộc chị Chung Thị Thanh T phải trả cho anh Phạm Lợi N số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Lợi N về việc yêu cầu bị đơn chị Chung Thị Thanh T phải trả số tiền 480.000.000đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Chung Thị Thanh T phải chịu 1.000.000đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

- Buộc anh Phạm Lợi N phải chịu 23.200.000đồng (hai mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch. Khấu trừ số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí mà anh N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012237 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, anh N còn phải nộp tiếp 11.200.000đồng (mười một triệu, hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn anh Phạm Lợi N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị T phải trả cho anh N 500.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận:

Anh N trình bày: Tại cấp sơ thẩm do Thẩm phán nói là cứ thừa nhận tiếng nói là của anh N đi, trong file ghi âm đâu có chỗ nào thể hiện là anh N đã nhận của chị T 500.000.000đồng đâu nên anh mới thừa nhận tiếng nói trong file ghi âm là của anh và khi hòa giải đối chất không có mặt chị T, chỉ có mình anh N với Thẩm phán làm việc và ký trước, sau đó chị T đến ký sau, chứ lúc lập biên bản không có mặt chị T. Chị T trình bày anh đã nhận 480.000.000đồng là không đúng sự thật, anh hoàn toàn không nhận của chị T số tiền nào cả. Số tiền chị T trình bày đã đưa cho anh là tiền tạm ứng án phí mà anh đã ứng trước và đưa cho chị T đi nộp, nên chị T phải có nghĩa vụ trả lại cho anh 6.500.000đồng và chị T nói "*tôi ghé đưa tiền*" trong đoạn ghi âm chính là số tiền 6.500.000đồng chứ không phải 500.000.000đồng.

Luật sư G là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N trình bày:

Qua file ghi âm chị T cung cấp trong đó có đoạn "*Tôi ghé đưa tiền hôm hổm tòa kêu, chưa tới ngày nhưng mà thôi tôi lấy tiền tôi đưa luôn, chứ để mai mốt lu bu tết nhất nữa.... tôi cầm tiền vô tôi đưa luôn thiếu mấy chục hai chục à hai chục"*, anh N:*"chủ nhật này Đủ nó có rãnh không ta..."*, chị T: *"này là đủ rồi phải không?*" anh N: *"ừ",* chị T: *"Đếm lại nha?"* anh N: *"Rồi"*. Anh N cho rằng nội dung file ghi âm bị cắt ghép và tiếng nói không phải của anh N nên yêu cầu giám định. Tại kết luận giám định số 129/KL-KTHS, ngày 05/6/2024 của V Bộ C kết luận file không bị cắt ghép nhưng không xác định định được tiếng nói trong file ghi âm có phải của anh N hay không và trong file ghi âm không có nội dung nào thể hiện anh N đã nhận của chị T số tiền 480.000.000đồng, nên không có căn cứ xác định anh N có nhận của chị T số tiền 480.000.000đồng như án sơ thẩm đã tuyên xử, như vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N, sửa bản án sơ thẩm buộc chị T có nghĩa vụ trả cho anh N số tiền 500.000.000đồng.

Chị T trình bày: Ngoài chứng cứ là file ghi âm ra thì chị không còn chứng cứ nào khác, vì chị nghĩ trước đây chị và anh N là vợ chồng và chị chỉ có nghĩa vụ trả cho anh N một khoảng tiền duy nhất là 500.000.000đồng đã được thỏa thuận tại văn phòng công chứng, chị nghĩ trước sau gì cũng phải trả tiền cho anh N, nên sau khi nhận quyết định công nhận thuận tình ly hôn mặc dù chưa đến hạn 3 tháng nhưng chị đã ra Ngân hàng rút tiền và đưa trước cho anh N 480.000.000đồng, lúc đó không nghĩ phải làm giấy biên nhận vì chị nghĩ chị với anh N cũng từng là vợ chồng, cũng may là điện thoại của chị khi vô tình chạm phải thì tự động bật chế độ ghi âm, ghi hình nên chị mới có chứng cứ là file ghi âm, chứ chị không có chủ ý ghi âm hoặc ghi hình trước đó. Nội dung trong đoạn ghi âm thể hiện chị ghé đưa tiền cho anh N "hôm hổm Tòa kêu", tức là số tiền 500.000.000đồng, ngoài số tiền này ra thì chị T không có nghĩa vụ phải trả cho anh N số tiền nào khác. Anh N nói chị có nghĩa vụ trả cho anh N số tiền 6.500.000đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung là hoàn toàn không đúng, vì số tiền tạm ứng án phí 13.000.000đồng là do tự chị đi nộp, anh N nói đưa tiền cho chị đi nộp tạm ứng án phí thì anh N phải cung cấp chứng cứ chứng minh và trong quyết định công nhận thuận tình ly hôn không có nội dung nào buộc chị phải trả cho anh N số tiền tạm ứng án phí là 6.500.000đồng. Anh N trình bày do Thẩm phán cấp sơ thẩm ép anh N phải thừa nhận tiếng nói trong file âm, khi hòa giải đối chất chị T không có mặt, chị T đến sau và ký sau là hoàn toàn không đúng và tự anh N bịa đặt, nếu như tại buổi đối chất và hòa giải chị không có mặt thì làm gì có nội dung đối đáp, đối chất. Do đó, những lời anh N trình bày tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn không đúng sự thật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Đơn kháng cáo của anh N đúng hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét kháng cáo của anh N đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh buộc chị T trả cho anh N 500.000.000đồng theo Hợp đồng vay tài sản ngày 07/11/2022. Anh N cho rằng hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 07/11/2022 đến nay

chị T vẫn chưa trả cho anh số tiền 500.000.000đồng, còn chị T thì cho rằng đã trả 480.000.000đồng dù không có biên nhận nhận tiền nhưng có cung cấp file ghi âm nên chỉ đồng ý trả cho anh N 20.000.000đồng.

Chị T cung cấp file ghi âm được sao chép từ điện thoại cũ của chị T sang qua điện thoại mới rồi chép vào USB nên thời gian hiển thị trên file không đúng với thời gian thực tế chị T ghi âm, anh N cho rằng thời gian ghi âm là khoảng sau ngày 15/11/2022, còn chị T cho rằng là ngày 29/12/2022. Dù hai bên không thống nhất được thời gian ghi âm nhưng hai bên đều thừa nhận là sau ngày ký thỏa thuận chia tài sản chung (ngày 07/11/2022) và ngày có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự (ngày 15/11/2022), tại cấp sơ thẩm anh N cũng thừa nhận tiếng nói trong đoạn ghi âm và nội dung cuộc đối thoại giữa anh chị trong đoạn ghi âm được chị T ghi nhận lại tại Bản tường trình ngày 30/10/2023 là đúng, đồng thời anh N cũng không giám định file ghi âm này.

Nội dung file ghi âm có đoạn "*tôi ghé đưa tiền hôm hổm tòa kêu, chưa tới ngày nhưng mà thôi tôi lấy tiền tôi đưa luôn, chứ để mai mốt lu bu tết nhất nữa*". Như vậy, có căn cứ xác định chị T có đưa tiền cho anh N. Anh N cho rằng chị T có nợ anh 02 khoản tiền gồm 01 khoản là số tiền 6.500.000đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung do anh có đưa cho chị T 13.000.000đồng để chị T đóng tạm ứng án phí chia tài sản chung, vì vậy số tiền mà chị T đến trả cho anh là ½ của số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung (13.000.000đồng/2 = 6.500.000đồng) và 01 khoản tiền 500.000.000đồng từ thỏa thuận chia tài sản chung. Chị T cho rằng chỉ nợ anh N có 01 khoản là 500.000.000đồng, còn tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là do chị đóng chứ anh N không có đưa cho chị 6.500.000đồng.

Theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 489/2022/QĐST-HNGD ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc không thể hiện nội dung thỏa thuận của số tiền 500.000.000đồng và cũng không thể hiện nội dung của số tiền 6.500.000đồng và theo quyết định này thuận tình ly hôn thì chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 13.150.000đồng, chứ không có nghĩa vụ trả tiền tạm ứng án phí cho anh N. Anh N cho rằng đã đưa cho chị T 6.500.000đồng để nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, chị T trình bày số tiền chị T ghé đưa cho anh N được đề cập trong file ghi âm là số tiền 500.000.000đồng mà chị T có nghĩa vụ trả cho anh N là phù hợp hơn. Đoạn sau của file ghi âm có nội dung: Chị T: "*tôi cầm tiền vô tôi đưa luôn thiếu mấy chục hai chục à hai chục*", anh N: "*chủ nhật này Đủ nó có rãnh không ta...*", chị T: "*này là đủ rồi phải không*?" anh N: "*ừ*", chị T: "*Đếm lại nha*" anh N: "*Rồi*".

Như trên đã phân tích chị T chỉ nợ anh N 01 khoản tiền là 500.000.000đồng và chị T nói "*thiếu hai chục*". Do đó, có cơ sở xác định chị T đã trả cho anh N số tiền 480.000.000đồng, chỉ còn nợ 20.000.000đồng. Vì vậy, án sơ thẩm buộc chị T trả cho anh N 20.000.000đồng là có căn cứ. Từ những phân tích trên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh N. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phạm Lợi N trong hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh N yêu cầu chị T phải trả cho anh N 500.000.000đồng. Xét thấy:

[2.1] Anh N và chị T trước đây là vợ chồng. Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có thỏa thuận chia tài sản chung, cụ thể anh N được chia 500.000.000đồng bằng cách ký Hợp đồng vay tài sản ngày 07/11/2022, hợp đồng được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 công chứng số 34463, quyển số 35/2022TP/CC-SCC/HĐGD, hai bên thỏa thuận trong thời hạn 03 tháng chị T phải giao cho anh N số tiền 500.000.000đồng. Anh N cho rằng hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày 07/11/2022 đến nay chị T vẫn chưa trả cho anh số tiền 500.000.000đồng, còn chị T thì cho rằng đã trả 480.000.000đồng dù không có biên nhận nhận tiền nhưng có cung cấp file ghi âm nên chỉ đồng ý trả cho anh N 20.000.000đồng.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/3/2024 anh N và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N cho rằng đoạn ghi âm do chị T cung cấp bị cắt ghép và không phải tiếng nói của anh N nên yêu cầu giám định đoạn ghi âm có bị cắt ghép không và yêu cầu giám định tiếng nói trong đoạn ghi âm có phải của anh Ngọc k. Tại kết luận giám định số 129/KL-KTHS ngày 05/6/2024 của V Bộ C đã kết luận như sau: "*Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung ghi âm trong file video mẫu cần giám định. Không xác định được tiếng nói trong file video mẫu cần giám định có phải là của ông Phạm Lợi N trong file video mẫu so sánh hay không do mẫu cần giám định có chất lượng kém*".

[2.3] Mặc dù kết luận giám định không xác định được tiếng nói trong file video do chị T cung cấp có phải là của anh N hay không. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 30/10/2023, ngày 08/8/2023 (bút lục 46, 41 mặt sau), biên bản đối chất ngày 02/11/2023, ngày 08/8/2023 (bút lục 45, 43 mặt sau), biên bản phiên tòa (bút lục 50 mặt sau) anh N thừa nhận tiếng nói trong đoạn ghi âm và nội dung cuộc đối thoại giữa anh N và chị T trong file ghi âm do chị T cung cấp là tiếng nói của anh N, anh N không yêu cầu giám định file ghi âm này. Anh N cho rằng thời gian ghi âm là khoảng sau ngày 15/11/2022, còn chị T cho rằng ghi âm ngày 29/12/2022. Xét thấy, dù hai bên không thống nhất được thời gian ghi âm nhưng hai bên đều thừa nhận là ghi âm sau ngày ký thỏa thuận chia tài sản chung (ngày 07/11/2022) và sau ngày có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự (ngày 15/11/2022). Do đó, có căn cứ xác định tiếng nói trong file video ghi âm do chị T cung cấp là tiếng nói của anh N và chị T.

[2.4] Nội dung file ghi âm có đoạn: *"tôi ghé đưa tiền hôm hổm tòa kêu, chưa tới ngày nhưng mà thôi tôi lấy tiền tôi đưa luôn, chứ để mai mốt lu bu tết nhất nữa"*. Căn cứ vào nội dung trên có cơ sở xác định chị T có đưa tiền cho anh N. Anh N cho rằng chị T có nợ anh 02 khoản tiền gồm 01 khoản là số tiền 6.500.000đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung do trước đây khi ly hôn chị T có yêu cầu chia tài sản chung nên anh có đưa cho chị T 13.000.000đồng để chị T nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung, vì vậy chị T phải có nghĩa vụ trả cho anh là ½ của số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 6.500.000đồng và 01 khoản tiền là 500.000.000đồng từ thỏa thuận chia tài sản chung. Chị T cho rằng chỉ nợ anh N có 01 khoản tiền là 500.000.000đồng, còn tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là do

chị T tự nộp chứ anh N không đưa cho chị 6.500.000đồng. Xét thấy, anh N trình bày có đưa cho chị T 6.500.000đồng để nộp tạm ứng án phí, lời trình bày này không được chị T thừa nhận, anh N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Vì vậy, có căn căn xác định chị T không nợ anh N số tiền 6.500.000đồng, chị T chỉ nợ anh N số tiền 500.000.000đồng.

Chị T nói "*hôm hổm tòa kêu"*, theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 489/2022/QĐST-HNGD ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc không thể hiện nội dung thỏa thuận của số tiền 500.000.000đồng và cũng không thể hiện nội dung chị T phải hoàn trả anh N số tiền 6.500.000đồng. Tuy nhiên, chị T nói *"chưa tới ngày"*, thấy rằng Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là ngày 15/11/2022, anh N cũng thừa nhận chị T đến đưa tiền được thể hiện trong file ghi âm là sau ngày có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, theo quyết định này chị T được quyền nhận lại tiền tạm ứng án phí là 13.150.000đồng nên không thể nói chị T đến để trả tiền tạm ứng án phí 6.500.000đồng cho anh N. Do đó, án sơ thẩm nhận định câu nói *"chưa tới ngày nhưng mà thôi tôi lấy tiền tôi đưa luôn, chứ để mai mốt lu bu tết nhất nữa"*, là số tiền 500.000.000đồng chị T có nghĩa vụ trả cho anh N trong thời hạn 03 tháng theo Hợp đồng vay tài sản ngày 07/11/2022 là phù hợp.

[2.5] Đoạn sau của file video ghi âm có nội dung: Chị T: "*tôi cầm tiền vô tôi đưa luôn thiếu mấy chục hai chục à hai chục"*, anh N:*"chủ nhật này Đủ nó có rãnh không ta...*", chị T: *"này là đủ rồi phải không?*" anh N: *"ừ",* chị T: *"Đếm lại nha"* anh N: *"Rồi"*. Anh N cho rằng đây nội dung này thể hiện chị T đưa đủ cho anh số tiền 6.500.000đồng chứ không phải 480.000.000đồng và anh cũng không hề nói anh đã nhận đủ 480.000.000đồng. Tuy nhiên, như đã nhận định tại đoạn trên thì chị T chỉ nợ anh N có 01 khoản tiền duy nhất là 500.000.000đồng, chị T có nói *"thiếu mấy chục hai chục à hai chục"*, chị T cũng yêu cầu anh N kiểm đếm lại và hỏi đủ chưa thì anh N đã xác nhận đủ rồi. Như vậy, có cơ sở xác định chị T đã trả cho anh N số tiền 480.000.000đồng, chỉ còn nợ 20.000.000đồng. Do đó, án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông N buộc chị T phải trả cho anh N 20.000.000đồng là có căn cứ. Anh N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh N, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí giám định: là 7.800.000đồng, anh N phải chịu toàn bộ, do yêu cầu kháng cáo của anh N không được chấp nhận theo Điều 160 và Điều 161 bộ luật tố tụng dân sự, số tiền này anh N đã nộp đủ và chi xong.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh N không được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Lợi N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2023/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ các điều 26, 37, 39, 147, 160, 161 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 158, 161, 163, 164, 166, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Lợi N về tranh chấp đòi tài sản đối với bị đơn chị Chung Thị Thanh T.

2. Buộc chị Chung Thị Thanh T phải trả cho anh Phạm Lợi N số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Lợi N về việc yêu cầu bị đơn chị Chung Thị Thanh T phải trả số tiền 480.000.000đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng).

5. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Chung Thị Thanh T phải chịu 1.000.000đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

- Buộc anh Phạm Lợi N phải chịu 23.200.000đồng (hai mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch. Khấu trừ số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí mà anh N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012237 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, anh N còn phải nộp tiếp 11.200.000đồng (mười một triệu, hai trăm nghìn đồng).

6. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Phạm Lợi N phải chịu 7.800.000đồng, anh N đã nộp đủ và chi xong.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: anh N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh N đã nộp theo biên lai thu số 0010791 ngày 28/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

8. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

9. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Phúc

Các thẩm phánThẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn N1 – Nguyễn Thị Mỹ H Trịnh Thị P